

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

Số: /QCPH/ĐLS-CA-VKSND-TAND

QUY CHẾ

Phối hợp giữa Đoàn Luật sư với Công an - Viện Kiểm sát nhân dân - Tòa án nhân dân các cấp trong các giai đoạn tố tụng hình sự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật tổ chức Công an nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 sửa đổi bổ sung Nghị định số 123/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trách nhiệm của lực lượng công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố;

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử các vụ án hình sự, đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp;

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai phối hợp với Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thống nhất xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức và nội dung quan hệ phối hợp giữa Đoàn luật sư với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư, các Tổ chức hành nghề luật sư, Luật sư, Tập sự hành nghề luật sư.

2. Các chức danh tư pháp, công chức, viên chức thuộc các cơ quan: Điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp trong quá trình thực hiện chức năng, quyền hạn theo quy định của tố tụng hình sự có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

3. Trại tạm giam Công an tỉnh, Nhà tạm giữ công an cấp huyện và cán bộ, chiến sĩ trực thuộc.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa Đoàn Luật sư với các cơ quan tiến hành tố tụng được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp và Pháp luật;

2. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị và những quy định pháp luật có liên quan, nhằm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, chủ động và trách nhiệm để tạo điều kiện thuận lợi cho các Luật sư và các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng giải quyết tốt vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

3. Bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền được bào chữa của người bị tạm giữ, bị can; quyền của người bào chữa trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử;

4. Bảo đảm tôn trọng, tạo điều kiện hỗ trợ nhau thực hiện tốt nhiệm vụ vì mục tiêu chung là bảo vệ pháp luật, công lý, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh;

5. Bảo đảm thực hiện chế độ bảo mật theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP GIỮA ĐOÀN LUẬT SƯ VỚI CÁC CƠ QUAN ĐIỀU TRA, TRẠI TẠM GIAM, NHÀ TẠM GIỮ

Điều 4. Phối hợp trong hoạt động tố tụng

1. Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các Cơ quan điều tra các cấp, Điều tra viên, cán bộ điều tra, cán bộ trại tạm giam, nhà tạm giữ tạo điều kiện thuận lợi và bảo

đảm quyền của Luật sư trong việc thực hiện các hoạt động nghề nghiệp ở giai đoạn điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở hoạt động hành nghề của Luật sư trái với luật định. **(hành vi trái với luật định làm cản trở...)**

2. Đoàn Luật sư tỉnh chỉ đạo và giám sát các tổ chức hành nghề luật sư và các luật sư trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi cho đương sự trong vụ án hình sự; có mặt kịp thời, đầy đủ trên cơ sở quy định của pháp luật đối với yêu cầu của Cơ quan điều tra khi tham gia tố tụng theo quyết định phân công của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư và tổ chức hành nghề luật sư.

3. Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự thuộc Công an tỉnh và Đoàn luật sư tỉnh thường xuyên trao đổi để xem xét, giải quyết kịp thời các đề nghị, kiến nghị của Điều tra viên đối với luật sư bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và kiến nghị của luật sư bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự đối với điều tra viên theo thời hạn và trình tự pháp luật quy định, tránh kéo dài việc giải quyết vụ án.

Điều 5. Trách nhiệm giải thích, thông báo quyền nhờ người bào chữa và thực hiện thủ tục nhờ người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can biết (*Điều tra viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BCA*), như sau:

1. Đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam

a) Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam có đơn yêu cầu người bào chữa thì Cơ quan điều tra, cơ sở giam giữ đang quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đang thụ lý vụ án biết.

Việc chuyển đơn yêu cầu người bào chữa của cơ quan đang quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam được gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan này hoặc gửi qua đường bưu chính. Nếu gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan đang quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam thì phải có ký nhận tại sổ giao nhận công văn, tài liệu.

b) Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam chưa yêu cầu nhờ người bào chữa thì trong lần đầu tiên lấy lời khai người bị bắt, người bị tạm giữ, lần đầu tiên hỏi cung bị can, Điều tra viên hoặc Cán bộ điều tra phải hỏi rõ người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can có nhờ người bào chữa hay không và phải ghi ý kiến của họ vào biên bản. Nếu họ có yêu cầu nhờ người bào chữa thì Điều tra viên hoặc

Cán bộ điều tra hướng dẫn họ viết đơn nhờ người bào chữa và thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp họ không nhờ người bào chữa thì trong thời hạn 12 giờ sau khi lấy lời khai người bị bắt, người bị tạm giữ, 24 giờ kể từ khi hỏi cung bị can lần đầu, Điều tra viên, Cán bộ điều tra đã lấy lời khai, hỏi cung có trách nhiệm thông báo cho người đại diện hoặc người thân thích của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam.

2. Đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp

a) Trường hợp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp có đơn yêu cầu người bào chữa thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đơn yêu cầu người bào chữa, cơ quan nhận đơn của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp có trách nhiệm chuyển đơn này cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Trường hợp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp không nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan nhận đơn phải chuyển đơn này cho người đại diện hoặc người thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa. Việc chuyển đơn được thực hiện qua đường bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan đang quản lý người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp nếu người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích có nhu cầu nhận trực tiếp tại trụ sở cơ quan này và có ký nhận tại sổ giao nhận công văn, tài liệu.

Việc chuyển đơn có thể được thực hiện cùng với việc thông báo cho người đại diện hoặc người thân thích của họ. Trong quá trình thực hiện việc chuyển đơn, nếu người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp bị áp dụng biện pháp tạm giữ thì việc tiến hành các thủ tục đăng ký bào chữa tiếp tục được thực hiện, không phải làm các thủ tục đăng ký đối với người bị tạm giữ.

b) Trường hợp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp không yêu cầu người bào chữa thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi lập xong biên bản giao nhận Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan đang quản lý người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thông báo cho người đại diện hoặc người thân thích của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Trường hợp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp bị tạm giữ thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra. Điều tra viên hoặc Cán bộ điều tra phải thông báo cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can biết quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát.

Điều 6. Phối hợp trong công tác cấp Giấy chứng nhận người bào chữa

1. Khi đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố Luật sư phải xuất trình các giấy tờ:

a) Thẻ luật sư (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

b) Giấy yêu cầu luật sư của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc của người khác;

c) Văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó hành nghề hoặc văn bản phân công của Đoàn luật sư đối với luật sư hành nghề với tư cách cá nhân trong trường hợp tham gia tố tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc trong trường hợp thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Trục ban hình sự của Cơ quan điều tra hoặc trục ban hình sự của từng đơn vị điều tra (trong trường hợp không tổ chức trục ban hình sự chung), trục ban các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Khi nhận được hồ sơ đăng ký, đối với Cơ quan điều tra tổ chức trục ban hình sự chung thì cán bộ trục ban hình sự có trách nhiệm ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm nhận vào sổ trục ban hình sự, chuyển ngay cho đơn vị thụ lý vụ án, vụ việc để đóng dấu văn bản đến và giao ngay cho Điều tra viên được phân công giải quyết vụ án, vụ việc. Đối với đơn vị điều tra tổ chức trục ban hình sự riêng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cán bộ trục ban hình sự có trách nhiệm đóng dấu văn bản đến, ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm nhận và chuyển ngay cho Điều tra viên, Cán bộ điều tra được phân công giải quyết vụ án, vụ việc.

Điều tra viên, Cán bộ điều tra có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bảo đảm theo quy định thì trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận, Điều tra viên, Cán bộ điều tra có trách nhiệm trình Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra (khi được Thủ trưởng phân công hoặc ủy quyền), Cấp trưởng, Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ký Thông báo về việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và vào sổ đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Trường hợp hồ sơ đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chưa bảo đảm theo quy định thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra thông báo cho người đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp biết để bổ sung hồ sơ.

Trường hợp có căn cứ từ chối việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc có trách nhiệm thông báo cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, việc từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Luật sư bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng.

3. Khi cần liên hệ với cá nhân, cơ quan, tổ chức để thực hiện quyền, nghĩa vụ và các hoạt động có liên quan đến việc bào chữa trong vụ án hình sự, luật sư chỉ phải xuất trình Thẻ luật sư và Giấy chứng nhận người bào chữa của luật sư.

Điều 7. Phối hợp khi hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị tạm giữ

1. Sau khi cấp giấy chứng nhận người bào chữa, Điều tra viên phải giao các quyết định tố tụng liên quan đến người được bào chữa cho Luật sư và cung cấp số

điện thoại của Điều tra viên và của Luật sư để Điều tra viên và Luật sư thống nhất về thời gian, địa điểm lấy lời khai người bị tạm giữ, hỏi cung bị can. Trường hợp không liên hệ được qua điện thoại thì có thể liên lạc bằng cách trực tiếp tại trụ sở Cơ quan điều tra hoặc tổ chức hành nghề luật sư.

2. Điều tra viên phải thông báo về thời gian, địa điểm lấy lời khai người bị tạm giữ, hỏi cung bị can cho luật sư trước 24 (hai mươi bốn) giờ, trường hợp Luật sư ở xa có thể thông báo trước 48 (bốn mươi tám) giờ.

3. Khi lấy lời khai người bị tạm giữ, hỏi cung bị can, Điều tra viên và Luật sư phải thực hiện theo quy định của Điều 73 Bộ luật Tố tụng hình sự, nội quy Nhà tạm giữ, Trại tạm giam và các quy định pháp luật có liên quan khác.

4. Sau khi kết thúc buổi hỏi cung Điều tra viên phải xác nhận thời gian làm việc thực tế của Luật sư dự cung. Đoàn Luật sư và Công an tỉnh thống nhất mẫu xác nhận thời gian dự cung của luật sư theo quy định của pháp luật.

5. Luật sư chỉ ký xác nhận vào biên bản điều tra khi có mặt người được bào chữa tham gia.

Điều 8. Thực hiện việc thay đổi Điều tra viên theo đề nghị của luật sư bào chữa

1. Khi người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có văn bản đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Cơ quan đang thụ lý vụ án tiếp nhận văn bản để giải quyết. Nếu có căn cứ thuộc một trong những trường hợp quy định tại Điều 49 hoặc khoản 1 Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trường hợp đề nghị thay đổi Điều tra viên không có căn cứ pháp luật thì Cơ quan đang thụ lý vụ án từ chối việc thay đổi Điều tra viên và thông báo cho người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

2. Khi người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có văn bản đề nghị thay đổi người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, Cơ quan đang thụ lý vụ án tiếp nhận văn bản để giải quyết. Nếu có căn cứ thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 68, khoản 5 Điều 69, khoản 4 Điều 70 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Cơ quan đang thụ lý vụ án quyết định thay đổi người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật và thông báo cho người bào chữa biết.

Trường hợp đề nghị không có căn cứ pháp luật thì Cơ quan điều tra từ chối việc thay đổi người giám định, người phiên dịch và thông báo cho người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Điều 9. Phối hợp trong việc luật sư thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa *(Thực hiện theo điều 15 Thông tư 46/2019/TT-BCA)*

1. Cơ quan điều tra, Điều tra viên tạo điều kiện thuận lợi để luật sư thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác. Trường hợp phát hiện luật sư bào chữa thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc tiết lộ bí mật điều tra liên quan đến vụ án thì Cơ quan điều tra, Điều tra viên phải có biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm của người bào chữa; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà có biện pháp xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Luật sư thu thập được tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa giao cho Cơ quan điều tra thì Điều tra viên lập biên bản tiếp nhận và đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp luật sư đưa ra yêu cầu thu thập, nếu thấy yêu cầu có liên quan đến việc bào chữa thì Điều tra viên lập biên bản ghi nhận yêu cầu của người bào chữa.

Điều 10. Phối hợp khi luật sư gặp người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam *(Thực hiện theo Điều 12 Thông tư 46/2019/TT-BCA)*

1. Trong giai đoạn điều tra sau khi có Giấy chứng nhận bào chữa, khi luật sư có Giấy giới thiệu đề nghị Cơ quan điều tra cho gặp người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam thì Điều tra viên phải thống nhất về thời gian qua điện thoại với Luật sư. Điều tra viên phải cho Luật sư gặp người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam trong ngày mà hai bên đã thống nhất; nếu từ chối cho gặp thì phải thông báo cho Luật sư biết bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

2. Khi vụ án đã kết thúc điều tra, Luật sư đã có Giấy chứng nhận bào chữa được gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam thì Nhà tạm giữ, Trại tạm giam phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để luật sư gặp bị can, bị cáo để luật sư tiếp tục thực hiện quyền của luật sư theo luật định.

3. Trong quá trình người bào chữa gặp người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam, Điều tra viên phối hợp với cán bộ, chiến sĩ Nhà tạm giữ, bị can theo nội quy và quy chế của Nhà tạm giữ, Trại tạm giam nhằm bảo đảm việc tuân thủ quyền và nghĩa vụ của người bào chữa. Trường hợp phát hiện người bào chữa vi phạm nội quy, quy chế Nhà tạm giữ, Trại tạm giam thì phải dừng ngay việc gặp người bị tạm giữ, bị can của người bào chữa và lập biên bản, báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Điều 11. Phối hợp thực hiện quyền của bị can, luật sư bào chữa sau khi kết thúc điều tra vụ án *(Thực hiện theo Điều 16 Thông tư 46/2019/TT-BCA)*

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày ký bản kết luận điều tra, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi bản kết luận điều tra và các quyết định nêu trên cho Luật sư bào chữa.

2. Sau khi kết thúc điều tra, nếu người bào chữa đề nghị được đọc, ghi chép và sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án có liên quan đến việc bào chữa thì Cơ quan điều tra tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa thực hiện yêu cầu này. Trường hợp người bào chữa đọc, ghi chép những tài liệu này, Điều tra viên tạo điều kiện cho người bào chữa đọc, ghi chép tại phòng làm việc thuộc trụ sở Cơ quan điều tra. Trong quá trình người bào chữa đọc, ghi chép tài liệu, Điều tra viên phải giám sát việc đọc, ghi chép tài liệu, tránh không để người bào chữa tẩy xóa, sửa chữa, làm hư hỏng, rách, thay đổi, đánh tráo hoặc lấy mất tài liệu.

Trường hợp người bào chữa đề nghị sao chụp những tài liệu này, Điều tra viên trực tiếp sao chụp (bằng máy photocopy) tài liệu giao cho người bào chữa. Việc luật sư bào chữa đọc, ghi chép hoặc sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án có liên quan đến việc bào chữa của người bào chữa phải được lập biên bản ghi nhận, tài liệu giao cho người bào chữa phải có bản thống kê các tài liệu kèm theo.

Chương III

NỘI DUNG PHỐI HỢP GIỮA ĐOÀN LUẬT SƯ VỚI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 12. Phối hợp trong hoạt động tố tụng

1. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị trong ngành và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm quyền cho Luật sư trong việc thực hiện các hoạt động nghề nghiệp ở giai đoạn truy tố theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Đoàn luật sư tỉnh đôn đốc và giám sát các tổ chức hành nghề luật sư và các Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; có mặt kịp thời, đầy đủ trên cơ sở quy định của pháp luật đối với yêu cầu của Viện Kiểm sát khi tham gia tố tụng theo quyết định phân công của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư và tổ chức hành nghề luật sư.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Đoàn luật sư tỉnh thường xuyên trao đổi để xem xét, giải quyết kịp thời các đề nghị, kiến nghị của Kiểm sát viên đối với luật sư bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và kiến nghị của luật sư bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự đối với kiểm sát viên theo quy định của pháp

luật và những nội dung khác liên quan đến quyền bị can, bị cáo và các chủ thể luật sư đang bảo vệ.

Điều 13. Phối hợp trong công tác cấp Giấy chứng nhận người bào chữa

1. Khi đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố Luật sư phải xuất trình các giấy tờ:

a) Thẻ luật sư (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

b) Giấy yêu cầu luật sư của bị can hoặc của người thân (đối với trường hợp người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam có giấy nhờ người thân liên hệ nhờ luật sư bào chữa); hoặc giấy yêu cầu luật sư của người đại diện hợp pháp của bị can (đối với người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất);

c) Văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư hành nghề hoặc văn bản phân công của Đoàn luật sư đối với luật sư hành nghề với tư cách cá nhân trong trường hợp tham gia tố tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc trong trường hợp thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Trong trường hợp người khác hoặc thân nhân của người đang bị tạm giam có đơn yêu cầu luật sư bào chữa thì Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hiện việc lấy ý kiến của bị can đang bị tạm giam về việc đồng ý hoặc từ chối mời luật sư bào chữa để xem xét cấp Giấy chứng nhận người bào chữa cho luật sư trong thời hạn 03 ngày.

3. Sau khi nhận thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận bào chữa của luật sư, trong thời gian cấp Giấy chứng nhận bào chữa theo luật định Viện kiểm sát phải thông báo cho luật sư biết thời gian gặp bị can để xác nhận việc nhờ luật sư.

4. Trong trường hợp bị can đồng ý yêu cầu luật sư bào chữa thì Viện kiểm sát phải cấp Giấy chứng nhận người bào chữa cho luật sư trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Luật sư bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Khi cần liên hệ với cá nhân, cơ quan, tổ chức để thực hiện quyền, nghĩa vụ và các hoạt động có liên quan đến việc bào chữa trong vụ án hình sự, Luật sư xuất trình Thẻ luật sư và Giấy chứng nhận người bào chữa của luật sư.

Điều 14. Phối hợp khi hỏi cung bị can

1. Sau khi cấp Giấy chứng nhận luật sư bào chữa nếu Viện kiểm sát phúc cung thì phải phải thông báo cách thức liên lạc của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên với Luật sư và ngược lại khi cần thông báo về thời gian, địa điểm hỏi cung bị can (nếu có).

2. Kiểm sát viên phải thông báo về thời gian, địa điểm hỏi cung bị can cho người bào chữa trước 24 (hai mươi bốn) giờ, trường hợp Luật sư bào chữa ở xa có thể thông báo trước 48 (bốn mươi tám) giờ.

3. Sau khi Kiểm sát viên kết thúc việc hỏi cung bị can, Luật sư bào chữa được quyền hỏi bị can những vấn đề mà Kiểm sát viên chưa hỏi có liên quan đến vụ án.

4. Kiểm sát viên phải xác nhận thời gian làm việc thực tế của Luật sư bào chữa theo mẫu mà các cơ quan tiến hành tố tụng đã thống nhất.

5. Luật sư chỉ xác nhận vào biên bản phúc cung khi có mặt người được bào chữa tham gia.

Điều 15. Phối hợp giải quyết yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên của Luật sư bào chữa

Khi Luật sư bào chữa có văn bản đề nghị thay đổi Kiểm sát viên, Viện kiểm sát tiếp nhận văn bản để giải quyết. Nếu có căn cứ thuộc một trong những trường hợp quy định tại Điều 49 Bộ luật Tố tụng hình sự hoặc Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp quyết định thay đổi Kiểm sát viên; Trường hợp đề nghị thay đổi Kiểm sát viên không có căn cứ pháp luật thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp từ chối việc thay đổi Kiểm sát viên và phải thông báo cho Luật sư bào chữa bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Điều 16. Phối hợp trong việc luật sư bào chữa thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa

1. Viện kiểm sát, Kiểm sát viên tạo điều kiện thuận lợi để luật sư bào chữa thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ bị can, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của bị can nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác.

2. Luật sư bào chữa thu thập được tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa giao cho Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên lập biên bản tiếp nhận và đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp Luật sư bào chữa đưa ra yêu cầu thu thập có liên quan đến việc bào chữa thì Kiểm sát viên phải lập biên bản ghi nhận yêu cầu của luật sư bào chữa.

Điều 17. Thực hiện quyền bào chữa của Luật sư khi có quyết định của Viện Kiểm sát.

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày ra một trong những quyết định (Truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng; Trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án), Viện kiểm sát thông báo cho luật sư bào chữa biết.

2. Sau khi có Thông báo đăng ký người bào chữa từ cơ quan điều tra hoặc được Viện kiểm sát Thông báo trong giai đoạn truy tố bị can trước Tòa án thì Viện kiểm sát ban hành một trong các quyết định theo Điều 243 Bộ luật Tố tụng hình sự, nếu luật sư bào chữa đề nghị được đọc, ghi chép và sao chụp tài liệu thì Viện kiểm sát phải bố trí cung cấp cho luật sư, trừ các trường hợp theo quy định pháp luật để bảo đảm bí mật Nhà nước, bí mật công tác.

Trường hợp luật sư bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu này, Kiểm sát viên bố trí cho luật sư bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp tại phòng làm việc thuộc trụ sở Viện Kiểm sát. Nếu luật sư bào chữa đề nghị thì Kiểm sát viên tạo điều kiện

thuận lợi cho luật sư được đọc, ghi chép, sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án, liệt kê theo từng bút lục.

Luật sư bào chữa khi tham gia hoạt động tố tụng phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác theo đúng quy định tại Điều 73, Điều 177 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chương IV

NỘI DUNG PHỐI HỢP GIỮA ĐOÀN LUẬT SƯ VỚI TÒA ÁN NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 18. Phối hợp trong hoạt động tố tụng

1. Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo Tòa hình sự và Tòa án nhân dân cấp huyện tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm quyền cho Luật sư trong việc thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong giai đoạn xét xử theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

2. Đoàn luật sư tỉnh đôn đốc và giám sát các tổ chức hành nghề luật sư và các luật sư thuộc Đoàn luật sư trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Tòa án nhân dân tỉnh và Đoàn luật sư tỉnh thường xuyên trao đổi để xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của luật sư đối với Tòa án và của Tòa án đối với luật sư, tránh kéo dài vụ án không có lý do chính đáng.

Điều 19. Phối hợp trong công tác cấp Thông báo về việc đăng ký bào chữa cho luật sư tham gia tố tụng

1. Khi đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố Luật sư phải xuất trình các giấy tờ sau đây:

a) Thẻ luật sư (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

b) Giấy yêu cầu luật sư của bị cáo hoặc của thân nhân bị cáo hoặc của người khác hoặc của các đương sự trong vụ án theo luật định;

c) Văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó hành nghề.

2. Trong trường hợp người khác hoặc thân nhân của bị cáo đang bị tạm giam có đơn yêu cầu luật sư thì Tòa án có trách nhiệm cấp Giấy giới thiệu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ để luật sư gặp bị cáo đang bị tạm giam về việc đồng ý hoặc từ chối mời luật sư để làm cơ sở xem xét cấp Thông báo về việc đăng ký bào chữa.

3. Trong trường hợp bị cáo yêu cầu người bào chữa (((và các đương sự khác))) thì Tòa án phải cấp giấy chứng nhận cho luật sư trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người bào chữa. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Luật sư bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 20. Phối hợp giải quyết yêu cầu thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký theo đề nghị của luật sư tham gia tố tụng

Trước khi xét xử, luật sư tham gia tố tụng có văn bản đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, Kiểm sát viên. Tòa án tiếp nhận văn bản đề nghị giải quyết. Nếu có căn cứ theo pháp luật tố tụng thì Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp quyết định; Nếu không đồng ý phải thông báo cho luật sư bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 21. Phối hợp khi luật sư bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án

Sau khi luật sư được Tòa án cấp Thông báo về việc đăng ký bào chữa, luật sư được Tòa án tạo điều kiện để đọc, sao chép, sao chụp, photo toàn bộ hồ sơ vụ án có liên quan đến việc bào chữa, bảo vệ. Khi Tòa án giao hồ sơ cho luật sư phải đảm bảo đầy đủ và theo thứ tự số bút lục. Trường hợp Luật sư có đơn đề nghị Tòa án photo thì phải ghi rõ số bút lục và phải thanh toán chi phí photo tài liệu theo quy định.

Trước khi mở phiên tòa xét xử Tòa án thông báo cho luật sư tham gia tố tụng Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập và các quyết định khác có liên quan sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Điều 22. Trách nhiệm phối hợp của toà án nhân dân tỉnh

1. Kịp thời thông tin cho Đoàn Luật sư về những dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp Luật sư.

2. Có biện pháp kịp thời xử lý các hành vi của cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý cản trở hoạt động nghề nghiệp luật sư.

3. Gửi giấy triệu tập phiên tòa, văn bản tố tụng và bản án cho luật sư và tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật tố tụng.

4. Cấp Thông báo đăng ký người bào chữa cho Luật sư trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Luật sư xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định tại Điều 19 Quy chế này; nếu luật sư không đủ điều kiện cấp Thông báo đăng ký người bào chữa thì phải thông báo bằng văn bản. (**, trong đó nêu rõ lý do**)

5. Tòa án xác nhận thời gian luật sư thu thập hồ sơ (đọc, sao chép, sao chụp), riêng thời gian nghiên cứu hồ sơ được tính bằng thời gian thực tế nghiên cứu hồ sơ xét xử.

Điều 23. Trách nhiệm phối hợp của Đoàn Luật sư

1. Trách nhiệm của Đoàn Luật sư

a) Thông tin kịp thời cho Tòa án về việc cán bộ, công chức Tòa án có tình cản trở, gây khó khăn cho hoạt động nghề nghiệp luật sư;

b) Đoàn Luật sư phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư bào chữa chỉ định khi có yêu cầu của Tòa án theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự;

c) Có biện pháp xử lý các luật sư vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp; định hướng để các luật sư thực hiện đúng chức năng nghề nghiệp của luật sư theo quy định của Luật Luật sư.

2. Trách nhiệm của Luật sư

a) Hoạt động tham gia tố tụng của Luật sư phải tuân theo quy định của pháp luật về Tố tụng và Luật Luật sư, các quy định khác của pháp luật và theo quy chế hoạt động của Đoàn Luật sư;

b) Khi hoạt động tố tụng tại Toà án, Luật sư phải xuất trình các giấy tờ có liên quan theo quy định tại Điều 19 Quy chế này để xem xét Đăng ký tham gia tố tụng. Luật sư được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng kể từ ngày được cấp Thông báo đăng ký tham gia tố tụng.

c) Luật sư phải thực hiện tốt chức năng nghề nghiệp của mình, hoạt động nghề nghiệp của luật sư nhằm góp phần bảo vệ công lý, các quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa công bằng, văn minh.

Chương V

VIỆC CHI TRẢ THÙ LAO TRONG CÁC VỤ ÁN LUẬT SƯ THAM GIA THEO YÊU CẦU CỦA CÁC CƠ QUAN TIỀN HÀNH TỐ TỤNG

Điều 24. Việc chi trả thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng

1. Đối với những vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu luật sư thì mức thù lao được chi trả cho 01 ngày làm việc của Luật sư là 0,4 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định (*Theo quy định tại Thông tư 191/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 12/12/2014*);

2. Thời gian làm việc của Luật sư được tính bao gồm:

a) Thời gian gặp người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố;

b) Thời gian thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa, bảo vệ;

c) Thời gian nghiên cứu hồ sơ và chuẩn bị tài liệu;

d) Thời gian tham gia phiên toà;

đ) Thời gian hợp lý khác để thực hiện việc tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng;

3. Ngoài khoản thù lao, trong quá trình chuẩn bị và tham gia bào chữa, bảo vệ tại phiên toà và các cơ quan tiến hành tố tụng, luật sư được thanh toán chi phí tàu xe, lưu

trú theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác theo quy định của Bộ Tài chính.

Việc chi trả thù lao cho luật sư trên cơ sở các cơ quan tiến hành tố tụng đã xác nhận thời gian làm việc. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải chi trả ngay cho luật sư khi kết thúc giai đoạn tố tụng tại các cơ quan tiến hành tố tụng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Phối hợp chung trong công tác trao đổi, cung cấp thông tin

1. Các cơ quan tiến hành tố tụng có thể mời đại diện Đoàn luật sư tham dự các phiên họp, hội nghị, hội thảo của ngành mình có nội dung liên quan đến hoạt động của luật sư.

2. Đoàn Luật sư có thể mời các cơ quan tiến hành tố tụng tham dự các phiên họp, hội nghị, hội thảo của Đoàn luật sư có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng.

3. Các cơ quan tiến hành tố tụng và Đoàn luật sư thường xuyên thông tin cho nhau về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi bên có liên quan đến nội dung phối hợp để kịp thời khắc phục; các bên có trách nhiệm cung cấp cho nhau những tài liệu, báo cáo chuyên đề có liên quan đến nội dung phối hợp.

4. Định kỳ hàng năm hoặc sáu tháng các cơ quan tiến hành tố tụng và Đoàn luật sư luân phiên tổ chức họp để trao đổi, rút kinh nghiệm công tác phối hợp, đánh giá những ưu khuyết điểm, rút ra những kinh nghiệm để đưa công tác phối hợp ngày càng có hiệu quả. Trong trường hợp cần thiết lãnh đạo các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư có thể mời họp đột xuất để giải quyết các nội dung cụ thể liên quan đến trách nhiệm phối hợp của các bên.

Điều 25. Trách nhiệm thực hiện

Các cơ quan tiến hành tố tụng và Đoàn luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm:

1. Phổ biến, quán triệt, chỉ đạo thực hiện Quy chế này đến từng cá nhân, đơn vị của ngành mình biết và triển khai thực hiện.

2. Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

3. Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị của ngành mình biết và triển khai thực hiện tốt Quy chế này.

Điều 26. Xử lý vi phạm

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, nếu cá nhân, tổ chức không tuân thủ các nguyên tắc, nội dung phối hợp của Quy chế thì Đoàn luật sư có trách nhiệm tổng

hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc bị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Quy chế này thay thế Quy chế phối hợp số 01/QCPH/ĐLS-CA-VKS-TAND ngày / / 2015 giữa Đoàn Luật sư với Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- 3, Trong quá trình thực hiện Quy chế, các cơ quan tiến hành tổ tụng, Đoàn luật sư có trách nhiệm tổng hợp những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn; phát hiện những nội dung cần sửa đổi bổ sung để xem xét, chỉnh sửa cho phù hợp ./.

**TM. BAN CHỦ NHIỆM
CHỦ NHIỆM
ĐOÀN LUẬT SƯ TỈNH**

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG AN TỈNH**

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH**